

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/10/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+PPD+RP3+BK14	7:25	9+4+7+0	0+0+0+0		0+0+5+11	0+0+0+0	chuyen 15 PPD-RP3
2		CTK3+TD2+VSP02	7:25	22+0+0	0+0+0		16+5+0	0+0+0	chuyen 1 td2- vsp02
3		AMD+P6+PPD	7:25	12+4+6	0+0+0		5+0+17	0+0+0	chuyen 4 P6- ppd
4		PPD+BK10+MRM	7:25	22+0+0	0+0+0		15+0+7	0+0+0	chuyen 4 ppd- bk10
5		BK20+PPD+AMD	9:25	3+9+10	0+0+0		0+10+12	0+0+0	CHUYEN 1 PPD- AMD
6		CTK3+BK8+BK10	9:25	20+0+0	0+0+0		15+1+0	0+0+0	chuyen 4 BK8- BK10
7		RC4+BK16+TD5	9:25	7+5+5	0+0+0		2+5+8	0+0+0	
8		RCDM+CI+P8	9:25	6+14+2	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
9		T.UNG	11:00	17	0		18	0	
10		CI+BK20+CTK3	11:25	22+0+0	0+0+0		18+1+0	0+0+0	CHUYEN 2 BK20-CTK3
11		P11+P10+P2	11:25	3+6+9	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
12		CTC1+P2+CI	11:25	6+11+2	0+0+0		5+14+2	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: BK6 - PPD - RP3 - BK14	CREW: Dương - Phong - Toan	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DOÁN ĐOÁN	BK6	31-32	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HAI	BK6	61,64	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK6	33-34	2	10	30	65	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM DUY ĐỀN	BK6	35	1	10	15	62	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN PHI BĂNG	BK6	42	1	17		64	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK6	43,58	2	8		77	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VĂN MẠNH	BK6	37-38	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DUNG	BK6	41	1	6	15	80	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM TIẾN HAI	BK6	39	1	10	14	70	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI THANH HAI	PPD	82	1	4		64	KHI	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	08	1	4		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	10	1	4		76	KHI	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	09	1	8		70	KHI	Vietnamese
14	SICHINAVA G.V	RP3	70-71	2	15		85	KHOAN	Russian
15	LÊ TIẾN DUNG	RP3	60	1	11		86	KHI	Vietnamese
16	PANKRATOV P.E	RP3	69	1	10		84	KHI	Russian
17	NGUYỄN TUÂN VŨ	RP3	63-64	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ NGỌC HÀ	RP3	61-62	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
19	THANAGRITCH FONGKAEW	RP3	67-68	2	25		88	KH-THAC	Thailand
20	SONNY MAXI PONDUNG	RP3	65-66	2	25		62	KH-THAC	Indonesian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	9	14	107	610	74	0		CHUYEN 15 PAX PPD SANG RP3 VA 100 KG HANG
2	PPD	4	4	20	280	0	0	15	
3	RP3	7	12	115	544	0	5		
4	BK14	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		20	30	242	1.434	74	16		
WEIGHT KG				242	1.434	74			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	TO: CTK3 - TD2 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO HOANG NAM	CTK3	51	1	13	10	76	KH-THAC	Vietnamese
2	BOGDANOV	CTK3	87	1	7		78	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	96-97	2	13		85	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH QUOC HUY	CTK3	47	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	VU CONG KHANG	CTK3	99	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TAN PHONG	CTK3	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM VAN DU	CTK3	94	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN KHANG	CTK3	95	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LE MINH DUC	CTK3	85	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	86	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HE	CTK3	88	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	CTK3	91	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN MANH HUNG	CTK3	89	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN KHUONG	CTK3	800	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TU THANG	CTK3	84	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAM VAN THANH	CTK3	50	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	90	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	98	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM QUOC CUONG	CTK3	01	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN SON HA	CTK3	92	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG VAN BINH	CTK3	46	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
22	VU TRUNG KIEN	CTK3	48-49	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	24	141	1.541	10	16		CHUYEN 01 PAX TU TD2 SANG VSP02
2	TD2	0	0	0	0	0	5		
3	VSP02	0	0	0	0	60	0		
TOTAL		22	24	141	1.541	70	21		
WEIGHT KG				141	1.541	70			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: AMD - P6 - PPD	CREW: VThắng - ĐNam - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH HẢI	AMD	75	1	10	90	90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	77	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	86	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỀU	AMD	78	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH DUNG	AMD	76	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	AMD	83	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG CÔNG TÂN	AMD	84-85	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC CUÔNG	AMD	81	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH THUẬN	AMD	84,82	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	AMD	82-83	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TUÂN ANH	AMD	79-80	2	9		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUANG THANH	AMD	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN SÁCH ĐÓN	P6	53	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CHUÔNG	P6	52	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỒNG GIANG	P6	48-49	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH ĐẠI	P6	50-51	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ TÁ QUANG	PPD	04	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	05	1	8		61	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	02	1	7		84	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	06	1	5		64	KHI	Vietnamese
21	LÊ MINH PHỤNG	PPD	01	1	5		72	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	53	1	5		58	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

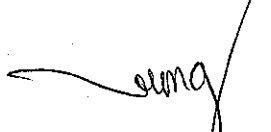
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	16	110	849	90	5		CHUYEN 4 KHACH TU P6 SANG PPD
2	P6	4	6	51	267	0	0		
3	PPD	6	6	35	409	0	17		
TOTAL		22	28	196	1.525	90	22		
WEIGHT KG				196	1.525	90			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	TO: PPD - BK10 - MRM	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - dững	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	03	1	5		52	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN HAI	PPD	01	1	5		73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY SƠN	PPD	04	1	3		80	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	02	1	5		55	KHI	Vietnamese
5	TRẦN TUẤN ANH	PPD	19-20	2	16		66	KHI	Vietnamese
6	SUMANDA JOHNY	PPD	25-26	2	18		60	KHI	Filipino
7	GALLIAMOV	PPD	06	1	5		73	KH-THAC	Russian
8	DUƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	21	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẦN HOÀI BẢO	PPD	23	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	24	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	16	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	BÙI NGỌC DUNG	PPD	22	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	18	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRÌNH DUY NAM	PPD	17	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	10	1	14		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN GIA CHUNG	PPD	14	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	PHÙNG PHU SỬA	PPD	12	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	PPD	13	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	05	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	PPD	07	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯƠNG TRI DUNG	PPD	11	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LƯƠNG VĂN TẠNG	PPD	15	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

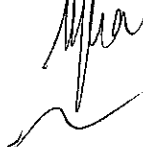
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	161	1.471	0	15	4	CHUYEN 04 PAX TU PPD SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	55	0		
3	MRM	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	24	161	1.471	55	22		
WEIGHT KG				161	1.471	55			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	TO: BK20 - PPD - AMD	CREW: Duong - Phong - Toan	ETA: 11:40
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN SAU	BK20	38	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
2	LE CANH HUNG	BK20	39	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HAI HOA	BK20	40	1	13		81	DK9	Vietnamese
4	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	28	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VAN HAI	PPD	29	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	LAM TRONG ĐAI	PPD	35-36	2	12		52	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM LE DUONG	PPD	34	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC SON	PPD	27	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC LUU	PPD	32	1	6		73	PSV	Vietnamese
10	QUACH SY TY	PPD	31	1	3		72	PSV	Vietnamese
11	VU THE LIEN	PPD	30	1	7		70	PSV	Vietnamese
12	TA QUANG PHUC	PPD	33	1	6		108	PSV	Vietnamese
13	PHAM NGOC TUAN	AMD	98	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH KHOA	AMD	01	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TANG XUAN HAI	AMD	300	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
16	VO VAN KHOI	AMD	95-96	2	11	13	70	HAVIET	Vietnamese
17	LE VAN TINH	AMD	99	1	10		55	HAVIET	Vietnamese
18	NGUYEN TAN PHUNG	AMD	02	1	10		73	HAVIET	Vietnamese
19	MAI VAN THIN	AMD	94	1	7		67	HAVIET	Vietnamese
20	TRAN VAN TUAN	AMD	93	1	7		62	HAVIET	Vietnamese
21	TRAN PHUONG THIEN	AMD	03,16	2	12		75	HAVIET	Vietnamese
22	NGUYEN HUU DIEN	AMD	97	1	10		65	HAVIET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

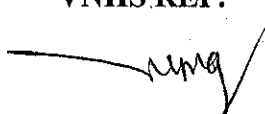
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	3	3	25	217	0	0		CHUYEN 1 KHACH TU PPD SANG AMD
2	PPD	9	10	57	625	0	10	1	
3	AMD	10	12	80	640	13	12		
TOTAL		22	25	162	1.482	13	22		
WEIGHT KG				162	1.482	13			

GRAND TOAL: 1.657 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	TO: CTK3 - BK8 - BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - DTùng	ETA: 11:25
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	07	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI HUU HUÂN	CTK3	10	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH VIỆT THẮNG	CTK3	98-100	3	12		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	08-09	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	15	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
6	VU HUU HA	CTK3	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO VĂN BÌNH	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO HUU ĐỨC	CTK3	25	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC THÈ	CTK3	56	1	5	15	63	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN CHÍNH	CTK3	54	1	10	20	73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	CTK3	13	1	7	18	73	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUÝ THUẬN	CTK3	18-19	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN VƯỢNG	CTK3	11	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VĂN CƯỜNG	CTK3	22	1	7	10	71	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HÙNG	CTK3	12	1	13		55	XAYLAP	Vietnamese
16	VI THAI	CTK3	53	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KHẮC THO	CTK3				33	63	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HIẾU	CTK3	16-17	2	15		77	NIPI	Vietnamese
19	LƯƠNG MINH KHUÊ	CTK3	20-21	2	6		55	NIPI	Vietnamese
20	TRẦN QUANG PHU	CTK3	96-97	2	9		65	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	25	167	1.356	96	15		CHUYEN 04 PAX TU BK8 SANG BK10
2	BK8	0	0	0	0	50	1	4	
3	BK10	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	25	167	1.356	146	16		
WEIGHT KG				167	1.356	146			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	TO: RC4 - BK16 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - dững	ETA: 11:35
CAM-2			

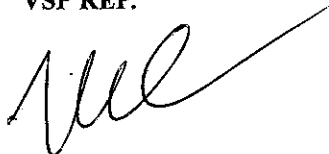
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TUẤN ANH	RC4	60-61	2	20	55	78	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ HUY	RC4	63-64	2	11		68	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG ANH TUẤN	RC4	67-68	2	14	70	62	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN CAO	RC4	65	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN TÂN	RC4	62	1	11		63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BANG	RC4	66	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HUAN	RC4	59	1	5		73	PSV	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN HỘI	BK16	51	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO KIM CUÔNG	BK16	52	1	4	30	63	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH THẮNG	BK16	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16					90	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	13	1	6		74	PSV	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	TD5	09	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÙNG	TD5	07-08	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG MINH	TD5	11-12	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BÁC	TD5	10	1	15		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ TRUNG LUYẾN	TD5	13	1	4		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

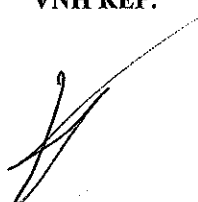
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	7	10	86	480	125	2		
2	BK16	5	4	21	355	30	5		
3	TD5	5	7	53	379	0	8		
TOTAL		17	21	160	1.214	155	15		
WEIGHT KG				160	1.214	155			

GRAND TOAL: 1.529 KGS

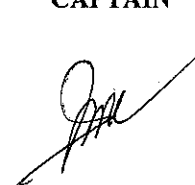
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	TO: RCDM - CLI - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - Huy	ETA: 11:30
VANG-2			

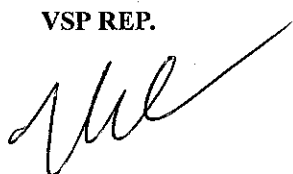
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC DINH	RCDM	51-52	2	25		81	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH CUÔNG	RCDM	42	1	8		76	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN ĐẠT	RCDM	55	1	5		66	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN MINH TÂM	RCDM	53-54	2	15	50	70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRƯƠNG TÂN LỢI	RCDM	50	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN BÌNH THUẬN	CLI	76	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG LAM	CLI	77	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	DUCHENKO A.L.	CLI	65	1	7		130	KH-THAC	Russian
9	KARPENKO	CLI	62	1	10		84	KH-THAC	Russian
10	KHOROSHENKOV	CLI	63-64	2	10		82	KH-THAC	Russian
11	HUYNH KIM KHANH	CLI	67-68	2	18		77	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	66	1	15	40	76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	74-75	2	19		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN GIANG	CLI	78	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THĂNG	CLI	73	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG NGÂN	CLI	70	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THẨM	CLI	69	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	71-72	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG MẠNH THĂNG	CLI	61	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LAZAREV A V	P8	27	1	6		85	KH-THAC	Russian
21	NGUYỄN CÔNG DUẬN	P8	26	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	5	7	63	371	50	0		
2	CLI	14	18	152	1.130	40	16		
3	P8	2	2	11	145	0	6		
TOTAL		21	27	226	1.646	90	22		
WEIGHT KG				226	1.646	90			

GRAND TOAL: 1.962 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 10:55
FLIGHT: 09	TO: T.UNG	CREW: Hoài - CHIẾN	ETA: 14:10
xao5-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG	18	1	9		70	PVEP ITC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIẾU	T.UNG	20	1	7		70	PVEP ITC	Vietnamese
3	ZELENSKY	T.UNG	22	1	5		82	KH-THAC	Russian
4	PHAN VIỆT TÙNG	T.UNG	15	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN TRỌNG	T.UNG	14	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG					65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	17	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
8	KIỀU XUÂN TÂM	T.UNG	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO DUY TŨ	T.UNG	47	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN QUANG HÒA	T.UNG	15	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THỊ	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HAI	T.UNG	48	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ DUY KHIÊM	T.UNG	23-24	2	15		71	YTE	Vietnamese
14	LUƠNG MẠNH GIANG	T.UNG	25	1	7		69	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ MINH HỘI	T.UNG	16	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ ĐẶNG THANH	T.UNG	27	1	4		68	PSV	Vietnamese
17	LÊ VIỆT KHANG	T.UNG	28	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	16	98	1.197	0	18		
TOTAL		17	16	98	1.197	0	18		
WEIGHT KG				98	1.197	0			

GRAND TOAL: 1.295 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: CLI - BK20 - CTK3	CREW: Duong - Phong - Toan	ETA: 13:50
Cam - 3			

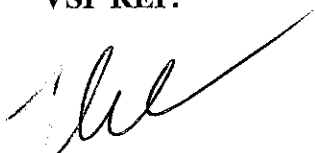
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÌNH THÈ ANH	CLI	30	1	9	10	70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG MINH TÂM	CLI	33-34	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU VĂN VƯƠNG	CLI	24-25	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	45-46	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI QUỐC HÙNG	CLI	38	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VU	CLI	36	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TUẤN	CLI	31-32	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRỊNH LÊ TUẤN	CLI	18-19	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN DÂN	CLI	37	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH KHOA	CLI	17	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	22-23	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤN HẬU	CLI					65	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	44	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN BÌNH	CLI	35	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG TRỌNG CHUNG	CLI	26-28	3	15		80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH HẢI	CLI	20-21	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ THANH QUANG	CLI	43	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	29	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH SONG HẢI	CLI	41	1	8	12	60	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	CLI	40	1	5		71	PSV	Vietnamese
21	LÊ CAO HẢI	CLI	42	1	6		65	PSV	Vietnamese
22	TRẦN THANH HẢI	CLI	38	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	30	165	1.562	62	18		CHUYEN 2 PAX BK20 SANG CTK3
2	BK20	0	0	0	0	0	1 + 2		
3	CTK3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	30	165	1.562	62	19		
WEIGHT KG				165	1.562	62			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

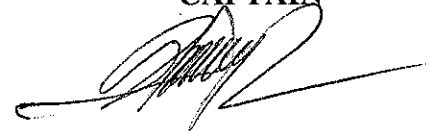
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	TO: P11 - P10 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - DTung	ETA: 13:35
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NGHIA	P11	94	1	5	15	65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN CAO CUONG	P11	96	1	11	9	72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN MANH HUNG	P11	58	1	10	37	70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC TUAT	P10	25-26	2	11		68	XAYLAP	Vietnamese
5	HA THAI QUOC	P10	30	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN SY	P10	23	1	5	15	73	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG NGOC HOAI	P10	27	1	5	16	65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRUONG DUC MANH	P10	59	1	13	39	79	XAYLAP	Vietnamese
9	LE ANH CUONG	P10	600	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN HUY HOANG	P2	80-81	2	13		60	PVGAS/KBT	Vietnamese
11	MAC XUAN TRUONG	P2	75-76	2	13		65	LUC NAM	Vietnamese
12	HOANG HAI QUAN	P2	47	1	6	22	73	LUC NAM	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC TUNG	P2	72	1	6	25	71	CODIEN	Vietnamese
14	LE THANH HIEU	P2	75	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THU	P2	70	1	6		51	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LANH	P2	71	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
17	VU TANG GIAP	P2	69	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN VIET CHINH	P2				21	62	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	3	3	26	207	61	0		
2	P10	6	7	64	429	70	0		
3	P2	9	10	67	600	68	22		
TOTAL		18	20	157	1.236	199	22		
WEIGHT KG				157	1.236	199			

GRAND TOAL: 1.592 KGS

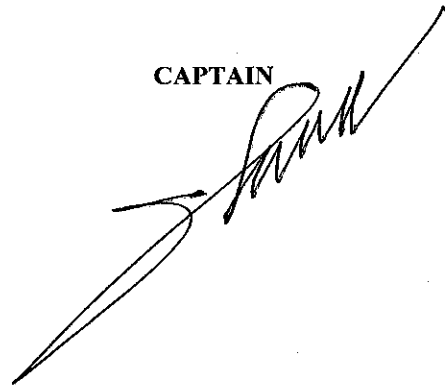
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	TO: CTC1 - P2 - CLI	CREW: VThắng - ĐNam - MQUÂN - Cường	ETA: 13:40
vang-3			

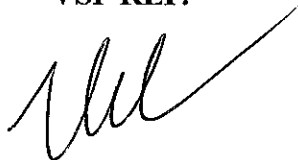
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU NGHỊ	CTC1	90	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	CTC1	82-84	3	18		74	XAYLAP	Vietnamese
3	MAI TRỌNG HẢI	CTC1	89	1	11	7	70	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG ANH TUẤN	CTC1	85-86	2	14		50	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN THAI THANH	CTC1	87-88	2	14		53	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIẾU	CTC1	80-81	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG HỒNG CHÚC	P2	41	1	11	145	67	OMSC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THANH	P2	40	1	5		80	OMSC	Vietnamese
9	NGÔ SỸ TRƯỜNG	P2	38	1	8		80	OMSC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KHAI	P2	51-52	2	14		83	OMSC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN NĂM	P2	34	1	7		75	OMSC	Vietnamese
12	CAO XUÂN BA	P2	36	1	5		58	OMSC	Vietnamese
13	HOANG VAN ANH	P2	37	1	6		66	OMSC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN CUÔNG	P2	35	1	8		55	OMSC	Vietnamese
15	TRẦN THANH TÂM	P2	39	1	8		56	OMSC	Vietnamese
16	DAM XUAN DUY	P2	33	1	8		72	OMSC	Vietnamese
17	LE VAN QUANG	P2	29-30	2	16	15	68	NHATHAU	Vietnamese
18	VU HUU TRUONG	CLI	09	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	TRUONG VAN TOAN	CLI	08	1	9		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

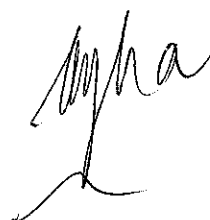
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	6	11	78	384	7	5		
2	P2	11	13	96	760	160	14		
3	CLI	2	2	14	120	0	2		
TOTAL		19	26	188	1.264	167	21		
WEIGHT KG				188	1.264	167			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

